TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: 149/2025/HSST Ngày 13/6/2025	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Long;

Bà Nguyễn Thị Loan;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm L- Kiểm sát viên;

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 138/2025/HSST, ngày 19 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2025/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/HSST- QĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, đối với các bị cáo:

01. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN T**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 10 năm 2003; Tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị H1; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 18/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa;

02. Họ và tên: **NGUYỄN VŨ D**; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 6 năm 2003; Tại: tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Không xác định; và bà Nguyễn Thị H2; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2024 đến ngày 18/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

01. Bà Ngô Thị Ý, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 9 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

02. Bà Huỳnh Ngọc N1, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

03. Bà Đặng Thị Kim L1, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

04. Bà Nguyễn Thị Thư L2, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

05. Bà Mạnh Thị H3, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 1 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

06. Bà Bùi Thị Kim H4, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 13/2/3 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

07. Bà Trần Thị N, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 1 P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

08. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1971 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

09. Bà Huỳnh Thị Vy K, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Địa chỉ: F L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

10. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1987(Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - sinh năm 1994;

11. Bà Lê Thị L3, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk- sinh năm 1980;

12. Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

13. Ông Y Men B, sinh năm 1956 (Vắng mặt- Có đơn yêu cầu vắng mặt);

Địa chỉ: B S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

14. Ông Vương Quốc T3, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Địa chỉ: A A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định, nên từ tháng 9 năm 2024, Nguyễn Văn T đã rủ Nguyễn Vũ D vào tỉnh Đắk Lắk để hoạt động cho người dân vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời, thì D đồng ý. Sau đó, T, D đến thuê nhà tại tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và bàn bạc mỗi người góp 70.000.000 đồng

để thực hiện hoạt động cho vay tiền tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Để tìm kiếm người vay tiền, thì T và D thuê chạy quảng cáo trên trang Facebook: "Cho vay tiền góp Đắk Lắk - 0348822687", đăng kèm thông tin số điện thoại của T. Đến ngày 25 tháng 11 năm 2024 hết thời hạn chạy quảng cáo, thì T và D tiếp tục thuê chạy quảng cáo trên trang Facebook: "Vay tiền nhanh trả góp theo ngày tại Buôn M - 0975.136.042", đăng kèm thông tin số điện thoại của D. Khi có người liên hệ vay tiền, thì T và D yêu cầu người vay quay clip, gửi vị trí nhà ở để đến thẩm định nhà, công việc của người vay, nếu đủ điều kiện trả nợ thì T hoặc D trực tiếp cho người dân vay tiền và yêu cầu người vay viết giấy vay tiền đồng thời giữ giấy tờ tùy thân là Căn cước công dân, giấy phép lái xe…của người vay.

T và D cùng quản lý hoạt động cho người dân vay tiền với lãi suất cao trên App "Google Trang tính", T sử dụng với tên đăng nhập *hungthinhphat29102003@gmail.com*Duy sử dụng với tên đăng nhập *vuduy156226@gmail.com*Hàng ngày, sau khi thu tiền gốc và tiền lãi của những người vay tiền, thì T và D tính toán, đối chiếu số tiền thu, chi sau đó chia đôi số tiền gốc và tiền lãi thu được.

Quá trình hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao, để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng thì T lấy tên "H5", sử dụng số điện thoại 0348822687, tài khoản Zalo "Hưng Phát"; D lấy tên "S", sử dụng số điện thoại 0975136042, tài khoản Zalo "Sơn Nguyễn" để liên hệ với người vay. Về hình thức cho vay thì T và D cho người dân vay tiền dưới hình thức cho vay tiền góp: Nếu vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày thì mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng nên khi thu đủ T và D sẽ thu được 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Nếu khách vay số tiền 10.000.000 đồng, sẽ đóng trong 21 ngày, thì mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng, nên khi thu đủ T và D sẽ thu được 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi *(tương ứng với mức lãi suất 451,9%/01 năm)*.

Hàng ngày, T và D yêu cầu người vay đóng tiền gốc và tiền lãi qua số tài khoản 465230218, mở tại ngân hàng T5, mang tên Nguyễn Văn T hoặc số tài khoản 100870156226, mở tại Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Vũ D. Nếu người vay không đóng tiền gốc và tiền lãi qua 02 số tài khoản trên, thì T và D sẽ trực tiếp đến nhà thu tiền. T và D sử dụng xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47B1-589.56 để đi thẩm định nhà, tài sản, điều kiện, khả năng tài chính và đi thu tiền của những người vay tiền.

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024, Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D đã trực tiếp cho **12** người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Bà Ngô Thị Ý, sinh năm 1994, trú tại số I đương N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/11/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 6.300.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 57.534 đồng. T và D đã thu lợi

bất chính số tiền là: 1.300.000 đồng + 300.000 đồng – 57.534 đồng = 1.542.466 đồng.

Lần 2: Ngày 25/11/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 6.300.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 57.534 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.300.000 đồng + 300.000 đồng – 57.534 đồng = 1.542.466 đồng.

Lần 3: Ngày 07/12/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 6.300.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D thu được 07 ngày, với số tiền 2.100.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.666.667 đồng, số tiền lãi là 433.333 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 19.178 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 433.333 đồng + 300.000 đồng – 19.178 đồng = 714.155 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị Ý vay là 15.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 3.799.087 đồng *(Ba triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn không trăm tám bảy đồng).*

2. Bà Huỳnh Ngọc N1, sinh năm 1984, trú tại số B đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 29/10/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 600.000 đồng – 115.068 đồng = 3.084.932 đồng.

Lần 2: Ngày 09/11/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng, khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 600.000 đồng – 115.068 đồng = 3.084.932 đồng.

Lần 3: Ngày 01/12/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 12 ngày, với số tiền 7.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 5.714.286 đồng, số tiền lãi là 1.485.714 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 65.753 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.485.714 đồng + 600.000 đồng – 65.753 đồng = 2.019.961 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị N1 vay là 30.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 8.189.825 đồng *(Tám triệu một trăm tám mươi chín ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).*

3. Bà Đặng Thị Kim L1, sinh năm 1976, trú tại buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/10/2024, vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 900.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 1.000.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 18.900.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.900.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 172.603 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 3.900.000 đồng + 1.000.000 đồng – 172.603 đồng = 4.727.397 đồng.

Lần 2: Ngày 09/11/2024, vay số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 900.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 1.000.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 18.900.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.900.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 172.603 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 3.900.000 đồng + 1.000.000 đồng – 172.603 đồng = 4.727.397 đồng.

Lần 3: Ngày 25/11/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 15 ngày, với số tiền 9.000.000 đồng,trong đó tiền gốc là 7.142.857 đồng, tiền lãi là 1.857.143 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 82.192 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.857.143 đồng + 600.000 đồng – 82.192 đồng = 2.374.951 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị L1 vay là 40.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 11.829.745 đồng *(Mười một triệu tám trăm hai mươi chín ngàn bảy trăm bốn lăm đồng).*

4. Bà Nguyễn Thị Thư L2, sinh năm 1990, trú tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Tháng 10/2024, vay tiền số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 600.000 đồng – 115.068 đồng = 3.084.932 đồng.

Lần 2: Tháng 11/2024, vay tiền số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D

đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 600.000 đồng – 115.068 đồng = 3.084.932 đồng.

Lần 3: Ngày 06/12/2024, vay tiền số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 07 ngày, với số tiền 4.200.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.333.333 đồng, số tiền lãi là 866.667 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 38.356 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 866.667 đồng + 600.000 đồng – 38.356 đồng = 1.428.311 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị L2 vay là 30.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 7.598.175 đồng *(Bảy triệu năm trăm chín mươi tám ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng).*

5. Bà Mạnh Thị H3, sinh năm 1983, trú tại số A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Tháng 10/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 600.000 đồng – 115.068 đồng = 3.084.932 đồng.

Lần 2: Tháng 11/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 6.300.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 57.534 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.300.000 đồng + 300.000 đồng – 57.534 đồng = 1.542.466 đồng.

Lần 3: Ngày 04/12/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 09 ngày, với số tiền 2.700.000 đồng,trong đó số tiền gốc là 2.142.587 đồng,số tiền lãi là 557.143 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 24.658 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 557.143 đồng + 300.000 đồng – 24.658 đồng = 832.485 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị H3 vay là 20.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 5.459.883 đồng.

6. Bà Bùi Thị Kim H4, sinh năm 1979, trú tại số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/11/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 800.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D

đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 800.000 đồng – 115.068 đồng = 3.284.932 đồng.

Lần 2: Ngày 04/12/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 400.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 08 ngày, với số tiền 2.400.000 đồng,trong đó số tiền gốc là 3.809.524 đồng,số tiền lãi là 990.476 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 43.836 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 990.476 đồng + 400.000 đồng – 43.836 đồng = 1.346.640 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị H4 vay là 20.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 4.631.572 đồng.

7. Bà Trần Thị N, sinh năm 1972, trú tại số A đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 22/11/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 57.534 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.300.000 đồng + 300.000 đồng – 57.534 đồng = 1.542.466 đồng.

Lần 2: Ngày 05/12/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 300.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 06 ngày, với số tiền 1.800.000 đồng,trong đó số tiền gốc là 1.428.571 đồng,số tiền lãi là 371.429 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 16.438 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 371.429 đồng + 300.000 đồng – 16.438 đồng = 654.991 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị N vay là 10.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.197.457 đồng.

8. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1971, trú tại buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 26/11/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 600.000 đồng – 115.068 đồng = 3.084.932 đồng.

Lần 2: Ngày 09/12/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 450.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 04 ngày, với số tiền 2.400.000 đồng,trong đó số tiền gốc là 1.904.762 đồng,số tiền lãi là 495.238 đồng. Lãi suất cao nhất

theo quy định Nhà nước là 21.918 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 495.238 đồng + 450.000 đồng – 21.918 đồng = 923.320 đồng.

Như vậy, số tiền gốc T và D cho chị T1 vay là 20.000.000 đồng. T và D đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 4.008.252 đồng .

9. Bà Huỳnh Thị Vy K, sinh năm 1981, trú tại số F đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần: Ngày 24/11/2024 vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 300.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 400.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 17 ngày, với số tiền 5.100.000 đồng,trong đó số tiền gốc là 4.047.619 đồng,số tiền lãi là 1.052.381 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 46.575 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 1.052.381 đồng + 400.000 đồng – 46.575 đồng = 1.405.806 đồng.

10. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1987, trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vay 05 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 10/2024, vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 1.200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 1.200.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 25.200.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 20.000.000 đồng tiền gốc và 5.200.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 230.137 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 5.200.000 đồng + 1.200.000 đồng – 230.137 đồng = 6.169.863 đồng.

Lần 2: Ngày 01/11/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 115.068 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.600.000 đồng + 600.000 đồng – 115.068 đồng = 3.084.932 đồng.

Lần 3: Ngày 12/11/2024, vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 1.800.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 1.800.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 37.800.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.800.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 345.205 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 7.800.000 đồng + 1.800.000 đồng – 345.205 đồng = 9.254.795 đồng.

Lần 4: Ngày 23/11/2024, vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 1.800.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 1.800.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 37.800.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu đủ 30.000.000 đồng tiền gốc và 7.800.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 345.205 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 7.800.000 đồng + 1.800.000 đồng – 345.205 đồng = 9.254.795 đồng.

Lần 5: Ngày 05/12/2024, vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 1.800.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 1.800.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 37.800.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 08 ngày, với số tiền 14.400.000 đồng,trong đó số tiền gốc là 11.428.571 đồng, số tiền lãi là 2.971.429 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 131.507 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền là: 2.971.429 đồng + 1.800.000 đồng – 131.507 đồng = 4.639.922 đồng.

11. Bà Lê Thị L3, sinh năm 1972, trú tại thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần, cụ thể như sau: Vào ngày 01/12/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày đóng 500.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 500.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.500.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 365%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 12 ngày, với tiền 6.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 4.800.000 đồng, số tiền lãi là 1.200.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 65.753 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền 1.200.000 đồng + 500.000 đồng – 65.753 đồng = 1.634.247 đồng.

12. Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố E, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vay 01 lần, cụ thể như sau: Vào ngày 23/11/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng 600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, thu phí 600.000 đồng; khi trả đủ sẽ thành 12.600.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), nên lãi suất là 451,9%/01 năm. Khoản vay này T và D đã thu được 17 ngày, với số tiền 10.200.000 đồng,trong đó số tiền gốc là 8.095.238 đồng,tiền lãi là 2.104.762 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 93.151 đồng. T và D đã thu lợi bất chính số tiền 2.104.762 đồng + 600.000 đồng – 93.151 đồng = 2.611.611 đồng.

Tổng cộng, Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D đã cho 12 người vay tiền, với tổng số tiền gốc cho vay là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu là 68.985.715 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm đồng), tổng số tiền phí đã thu là 19.850.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng), tương ứng với mức lãi suất từ 365%/01 năm đến 451,9%/01 năm, gấp 18,25 đến 22,59 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 3.065.748 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), nên tổng số tiền mà T và D đã thu lợi bất chính là 85.769.967 đồng (T4 mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy), trong đó mỗi bị cáo hưởng lợi số tiền thu lợi bất chính là 42.884.983 đồng (Bốn mươi hai triệu, tám trăm tám mươi tư ngàn, chín trăm tám mươi ba đồng).

Tại bản cáo trạng số: 144/CT- VKS- BMT, ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D khai nhận hành vi các bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của các bị cáo tại cơ quan

điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D mức án từ 21 (Hai mươi mốt) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D, mỗi bị cáo số tiền 30.000.000đ – 40.000.000đ sung ngân sách Nhà nước;

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân, số 054183006897 mang tên Mạnh Thị H3 (bản chính) cho chị Mạnh Thị H3; trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân, số 066194002567 mang tên Ngô Thị Ý (bản chính) cho chị Ngô Thị Ý nhận quản lý, sử dụng;

Đề nghị tịch thu, sung ngân sách Nhà nước các công cụ, phương tiện mà các đã bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, số IMEI: 356175095084620; gắn sim mạng Viettel số 0348822687 của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, số IMEI: 356713088421027; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0975136042, số seri 8984048000916870592 của bị cáo Nguyễn Vũ D;

01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47B1-589.56 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 065461, mang tên Y Men B của bị cáo Nguyễn Văn T;

Đối với 01 (một) Cuốn vở học sinh, ngoài bìa có chữ "Tập HS", là vật chứng của vụ án, nên đề nghị tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án;

Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D trả lại số tiền 85.769.967 đồng (T4 mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng) đã thu lợi bất chính của những người vay tiền là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên. Cụ thể như sau:

Trả lại cho chị Ngô Thị Ý số tiền 3.799.087 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị Ý số tiền 1.899.543 đồng;

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thư L2 số tiền 7.598.175, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị L2 số tiền 3.799.088 đồng;

Trả lại cho chị Phạm Thị C số tiền 32.404.307 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị C số tiền 16.202.153 đồng.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.405.806 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị K số tiền 702.903 đồng.

Trả lại cho chị Đặng Thị Kim L1 số tiền 11.829.745 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị L1 số tiền 5.914.872 đồng.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Ngọc N1 số tiền 8.189.825 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị N1 số tiền 4.094.913 đồng.

Trả lại cho chị Mạnh Thị H3 số tiền 5.459.883 đồng, trong đó mỗi bị can phải trả chị H3 số tiền 2.729.941 đồng.

Trả lại cho chị Bùi Thị Kim H4 số tiền 4.631.572 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị Hằng số tiền 2.315.786 đồng.

Trả lại cho chị Trần Thị N số tiền 2.197.457 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị N số tiền 1.098.728 đồng.

Trả lại cho chị Phan Thị T1 số tiền 4.008.252 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị T1 số tiền 2.004.126 đồng.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 2.611.611 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị T2 số tiền 1.305.806 đồng.

Trả lại cho chị Lê Thị L3 số tiền 1.634.247 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả chị L3 số tiền 817.124 đồng.

Đề nghị truy thu để sung ngân sách Nhà nước của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D tổng số tiền 265.514.825 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng), là số tiền gốc mà các bị cáo cho vay đã được những người vay trả lại và số tiền 3.065.748 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng), là số tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%), mà các bị cáo đã hưởng lợi từ hoạt động cho vay. Tổng cộng truy thu mỗi bị cáo số tiền 134.290.286 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu, hai trăm chín mươi ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng);

Đề nghị buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 64.486.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng), số tiền nợ gốc đã vay chưa trả cho các bị cáo Nguyễn Vũ D và Nguyễn Văn T để nộp sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

Chị Ngô Thị Ý nộp lại số tiền 3.333.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Nguyễn Thị Thư L2 nộp lại số tiền 6.667.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Chị Phạm Thị C nộp lại số tiền 18.571.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

Chị Huỳnh Thị Vy K nộp lại số tiền 952.000 đồng (Chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Chị Đặng Thị Kim L1 nộp lại số tiền 2.857.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Chị Huỳnh Thị Ngọc N1 nộp lại số tiền 4.286.000 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Chị Mạnh Thị H3 nộp lại số tiền 2.857.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Chị Bùi Thị Kim H4 nộp lại số tiền 6.190.000 đồng (Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thị N nộp lại số tiền 3.571.000 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

Chị Phan Thị T1 nộp lại số tiền 8.095.000 đồng (Tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu T2 nộp lại số tiền 1.905.000 đồng (Một triệu chín trăm linh năm nghìn đồng).

Chị Lê Thị L3 nộp lại số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D không bào chữa, không tranh luận gì đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo và các đương sự khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng;

[2] Về hành vi của các bị cáo, xét thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024, trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D đã có hành vi cho 12 cá nhân vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay là 330.000.000 đồng *(Ba trăm ba mươi triệu đồng)*, với mức lãi suất từ 365%/01 năm đến 451,9%/01 năm, gấp 18,25 đến 22,59 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự; đã thu lợi bất chính số tiền 85.769.967 đồng *(T4 mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng)* thì bị phát hiện, xử lý;

Như vậy hành vi các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ Duy thực H6 đã phạm vào tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;

...".

Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng mà hành vi của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; do đó hành vi của các bị cáo phải bị xử lý nghiêm minh;

Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm giản đơn; các bị cáo cùng góp tiền số tiền ngang nhau, cùng thực hiện hành vi cho vay và số tiền thu lợi bất chính như nhau; xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau, do đó mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là ngang nhau;

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo;

Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo;

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D có hành vi cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định sung Ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 (một) Cuốn vở học sinh, ngoài bìa có chữ "Tập HS" thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T dùng để đánh dấu việc người vay trả tiền hằng ngày, cần lưu hồ sơ vụ án;

Đối với một số giấy tờ các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D đã giữ của những người vay để làm tin nhưng đã làm mất, bao gồm: chị Nguyễn Thị Thu

T2 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thu T2; chị Phạm Thị C 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Thị C và 02 giấy khai sinh; chị Phan Thị T1 01 căn cước công dân mang tên Phan Thị T1; bà Bùi Thị Kim H4 01 Giấy khai sinh của Đỗ Hà V; bà Trần Thị N 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị N; bà Nguyễn Thị Thư L2 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thư L2; bà Huỳnh Ngọc N1 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thu T2, Phạm Thị C, Phan Thị T1, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thị Thư L2 đều đã tự làm lại các giấy tờ trên và không có yêu cầu gì đối với T, D. Đối với bà Trần Thị N, bà Huỳnh Ngọc N1 qua xác minh đã đi khỏi địa phương nên cơ quan điều tra chưa tiến hành lấy lời khai về yêu cầu của bà N, bà N1 đối với giấy tờ mà các bị cáo T, D làm mất, nên cơ quan điều tra đã tách ra khỏi vụ án để xử lý khi có yêu cầu của bà N, bà N1;

Trong vụ án này, đối với đối tượng Nguyễn Hữu H7: Quá trình điều tra xác định H7 đã trực tiếp thực hiện hành vi cho 03 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính là dưới 30.000.000 đồng, H7 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Vì vậy, hành vi của H7 chưa đủ yếu tố cấu thành tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý;

Đối với một số một số tài khoản có giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản 465230218 tại ngân hàng T5 tên Nguyễn Văn T và số tài khoản 100870156226 tại Ngân hàng V1 tên Nguyễn Vũ D, Cơ quan điều tra đã yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin chủ tài khoản thực hiện các giao dịch trên, nhưng chưa có kết quả trả lời; Do đó, Cơ quan điều tra đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau;

Đối với chủ sở hữu căn nhà tại tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là địa điểm mà các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D đã thuê để thực hiện hoạt động cho vay tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người đã cho D và T thuê căn nhà trên, do đó Cơ quan điều tra đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau;

[3] **Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với số tiền 85.769.967 đồng *(T4 mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng)* tiền lãi mà những người vay đã trả cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D, đây là tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính của những người đã vay tiền, do đó cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể:

1. Trả cho bà Ngô Thị Ý số tiền 3.799.087 đồng; cụ thể: Mỗi bị cáo phải trả 1.899.544 đồng, làm tròn thành 1.899.500 đồng *(Một triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng)*;

2. Trả cho bà Nguyễn Thị Thư L2 số tiền 7.598.175 đồng; cụ thể: Mỗi bị cáo phải trả 3.799.088 đồng, làm tròn thành 3.799.000 *(Ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng)*;

3. Trả cho bà Phạm Thị C số tiền 32.404.307 đồng; cụ thể: Mỗi bị cáo phải trả 16.202.153 đồng, làm tròn thành 16.202.000 đồng *(Mười sáu triệu hai trăm kẻ hai nghìn đồng);*

4. Trả cho bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.405.806 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả 702.903 đồng, làm tròn thành 703.000 đồng *(Bảy trăm lẻ hai ba nghìn đồng);*

5. Trả lại cho bà Đặng Thị Kim L1 số tiền 11.829.745 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 5.914.872 đồng, làm tròn thành 5.915.000 đồng *(Năm triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng);*

6. Trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc N1 số tiền 8.189.825 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 4.094.913 đồng, làm tròn thành 4.095.000 đồng *(Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*;

7. Trả cho bà Mạnh Thị H3 số tiền 5.459.883 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 2.729.941 đồng, làm tròn thành 2.730.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng);*

8. Trả cho bà Bùi Thị Kim H4 số tiền 4.631.572 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 2.315.786 đồng, làm tròn thành 2.316.000 đồng *(Hai triệu ba trăm mười sáu nghìn)*;

9. Trả cho bà Trần Thị N số tiền 2.197.457 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 1.098.728 đồng, làm tròn thành 1.099.000 đồng *(Một triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng)*;

10. Trả cho bà Phan Thị T1 số tiền 4.008.252 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 2.004.126 đồng, làm tròn thành 2.004.000 đồng *(Hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng)*;

11. Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 2.611.611 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 1.305.806 đồng, làm tròn thành 1.306.000 đồng *(Một triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng)*;

12. Trả cho bà Lê Thị L3 số tiền 1.634.247 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 817.124 đồng, làm tròn thành 817.000 đồng *(Tám trăm mười bảy nghìn đồng)*;

Đối với số tiền 64.486.000 *đồng (Sáu mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng)* nợ gốc những người vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Vũ D, cần buộc những người vay nộp lại số tiền này để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Bà Ngô Thị Ý phải nộp 3.333.000 đồng *(Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*;

2. Bà Nguyễn Thị Thư L2 phải nộp 6.667.000 đồng *(Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*;

3. Bà Phạm Thị C phải nộp 18.571.000 đồng *(Mười tám triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)*;

4. Bà Huỳnh Thị Vy K phải nộp 952.000 đồng *(Chín trăm năm mươi hai nghìn đồng)*;

5. Bà Đặng Thị Kim L1 phải nộp số tiền 2.857.000 *đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*;

6. Bà Huỳnh Thị Ngọc N1 phải nộp 4.286.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng)*;

7. Bà Mạnh Thị H3 phải nộp 2.857.000 đồng *(Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*;

8. Bà Bùi Thị Kim H4 phải nộp 6.190.000 đồng *(Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)*;

9. Bà Trần Thị N phải nộp 3.571.000 đồng *(Ba triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)*;

10. Bà Phan Thị T1 phải nộp 8.095.000 đồng *(Tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*;

11. Bà Nguyễn Thị Thu T2 phải nộp 1.905.000 đồng *(Một triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng)*;

12. Bà Lê Thị L3 phải nộp 5.200.000 đồng *(Năm triệu hai trăm nghìn đồng)*;

[4] **Về xử lý vật chứng:**

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân, số 054183006897 mang tên Mạnh Thị H3 (bản chính) cho bà Mạnh Thị H3; trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân, số 066194002567 mang tên Ngô Thị Ý (bản chính) cho bà Ngô Thị Ý nhận quản lý, sử dụng;

Đối với số tiền 265.514.825 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm mười bốn nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) là tiền gốc mà các bị cáo cho vay, đã được những người đã vay trả lại và số tiền 3.065.748 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) mà những người vay đã trả cho các bị cáo; tổng cộng là 268.580.570 đồng; đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu của các bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của mỗi bị cáo số tiền 134.290.286 đồng, làm tròn thành 134.290.000 đồng *(Một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)* để sung ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, số IMEI: 356175095084620; gắn sim mạng Viettel số 0348822687 của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, số IMEI: 356713088421027; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0975136042 của bị cáo Nguyễn Vũ D; 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu

đỏ - đen, biển kiểm soát 47B1-589.56 kèm 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 065461, mang tên Y Men B của bị cáo Nguyễn Văn T; đây là tài sản của các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước;

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/5/2025 giữa Phòng PC01- Công an tỉnh Đ và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B);

[5] **Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.144.249 đồng, làm tròn thành 2.144.000 đồng *(Hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 *(Hai mươi bốn)* tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2024 đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 09 *(Chín ngày)* ngày cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được Bản án, Quyết định thi hành án;

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự;

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Văn T;

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; Phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* sung Ngân sách Nhà nước;

2. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Vũ D phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ D 24 *(Hai mươi bốn)* tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2024 đến ngày 18 tháng 12 năm 2024 là 09 *(Chín ngày)* ngày cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nhận được Bản án, Quyết định thi hành án;

Giao bị cáo Nguyễn Vũ D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

Trường hợp bị cáo Nguyễn Vũ D thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Vũ D;

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; Phạt bị cáo Nguyễn Vũ D số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* sung Ngân sách Nhà nước;

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân, số 054183006897 mang tên Mạnh Thị H3 (bản chính) cho chị Mạnh Thị H3; Trả lại 01 (một) Thẻ căn cước công dân, số 066194002567 mang tên Ngô Thị Ý (bản chính) cho chị Ngô Thị Ý nhận quản lý, sử dụng;

Truy thu của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D, mỗi bị cáo số tiền 134.290.000 đồng *(Một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)* sung ngân sách Nhà nước;

Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng, số IMEI: 356175095084620; gắn sim mạng Viettel số 0348822687 của bị cáo Nguyễn Văn T; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, số IMEI: 356713088421027; gắn thẻ sim mạng Viettel, số thuê bao 0975136042 của bị cáo Nguyễn Vũ D; 01 (một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47B1-589.56 kèm 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, số 065461, mang tên Y Men B của bị cáo Nguyễn Văn T;

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/5/2025 giữa Phòng PC01- Công an tỉnh Đ và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B);

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Vũ D có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền 85.769.967 đồng *(T4 mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng)* đã thu lợi bất chính cho những có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

1. Trả cho bà Ngô Thị Ý số tiền 3.799.087 đồng; cụ thể: Mỗi bị cáo phải trả 1.899.544 đồng, làm tròn thành 1.899.500 đồng *(Một triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng)*;

2. Trả cho bà Nguyễn Thị Thư L2 số tiền 7.598.175 đồng; cụ thể: Mỗi bị cáo phải trả 3.799.088 đồng, làm tròn thành 3.799.000 *(Ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng)*;

3. Trả cho bà Phạm Thị C số tiền 32.404.307 đồng; cụ thể: Mỗi bị cáo phải trả 16.202.153 đồng, làm tròn thành 16.202.000 đồng *(Mười sáu triệu hai trăm kẻ hai nghìn đồng);*

4. Trả cho bà Huỳnh Thị Vy K số tiền 1.405.806 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải trả 702.903 đồng, làm tròn thành 703.000 đồng *(Bảy trăm lẻ hai ba nghìn đồng);*

5. Trả lại cho bà Đặng Thị Kim L1 số tiền 11.829.745 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 5.914.872 đồng, làm tròn thành 5.915.000 đồng *(Năm triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng);*

6. Trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc N1 số tiền 8.189.825 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 4.094.913 đồng, làm tròn thành 4.095.000 đồng *(Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*;

7. Trả cho bà Mạnh Thị H3 số tiền 5.459.883 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 2.729.941 đồng, làm tròn thành 2.730.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng);*

8. Trả cho bà Bùi Thị Kim H4 số tiền 4.631.572 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 2.315.786 đồng, làm tròn thành 2.316.000 đồng *(Hai triệu ba trăm mười sáu nghìn)*;

9. Trả cho bà Trần Thị N số tiền 2.197.457 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 1.098.728 đồng, làm tròn thành 1.099.000 đồng *(Một triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng)*;

10. Trả cho bà Phan Thị T1 số tiền 4.008.252 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 2.004.126 đồng, làm tròn thành 2.004.000 đồng *(Hai triệu không trăm lẻ bốn nghìn đồng)*;

11. Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T2 số tiền 2.611.611 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 1.305.806 đồng, làm tròn thành 1.306.000 đồng *(Một triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng)*;

12. Trả cho bà Lê Thị L3 số tiền 1.634.247 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải trả 817.124 đồng, làm tròn thành 817.000 đồng *(Tám trăm mười bảy nghìn đồng)*;

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 64.486.000 đồng *(Sáu mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng)* nợ gốc vay chưa trả cho các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D, để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Bà Ngô Thị Ý phải nộp 3.333.000 đồng *(Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*;

2. Bà Nguyễn Thị Thư L2 phải nộp 6.667.000 đồng *(Sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*;

3. Bà Phạm Thị C phải nộp 18.571.000 đồng *(Mười tám triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)*;

4. Bà Huỳnh Thị Vy K phải nộp 952.000 đồng *(Chín trăm năm mươi hai nghìn đồng)*;

5. Bà Đặng Thị Kim L1 phải nộp số tiền 2.857.000 *đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*;

6. Bà Huỳnh Thị Ngọc N1 phải nộp 4.286.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng)*;

7. Bà Mạnh Thị H3 phải nộp 2.857.000 đồng *(Hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*;

8. Bà Bùi Thị Kim H4 phải nộp 6.190.000 đồng *(Sáu triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)*;

9. Bà Trần Thị N phải nộp 3.571.000 đồng *(Ba triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn đồng)*;

10. Bà Phan Thị T1 phải nộp 8.095.000 đồng *(Tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*;

11. Bà Nguyễn Thị Thu T2 phải nộp 1.905.000 đồng *(Một triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng)*;

12. Bà Lê Thị L3 phải nộp 5.200.000 đồng *(Năm triệu hai trăm nghìn đồng)*;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Vũ D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.144.000 đồng *(Hai triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điểu 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Vụ GĐKT1- TAND Tối cao;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *PC 01, Công an tỉnh Đắk Lắk;*
- *Các bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Thi hành án DS. TP. B;*
- *Lưu HS;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương